ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM |
| * Mã môn học:
 | 61073070 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản☑ Kiến thức chuyên ngành☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☐ Kiến thức cơ sở ngành☐ Kiến thức khác☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ:
 | 1 tín chỉ (1 lý thuyết + 0 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 15 tiết lý thuyết (4 buổi) |
| + Số giờ tự học | 30 giờ |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 0 tiết thực hành (0 buổi) |
| * Môn học tiên quyết:
 | không |
| * Môn học song hành:
 | không |

1. **Mô tả môn học:**

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về các loại bệnh truyền nhiễm, cách nhận định và lập kế hoạch chăm sóc, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm.

Môn học này giúp cho người học thực hành cách nhận định, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh nhiễm. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh nhiễm.

1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Bộ môn Điều dưỡng (2010). Giáo trình Điều dưỡng nhiễm.

[2] Bộ Y tế (2002). Hướng dẫn qui trình chăm sóc người bệnh. NXB Y học.

***Tài liệu khác:***

[1] Bộ y tế. (2006). Điều dưỡng nội khoa. Nhà xuất bản Y học Hà Nội

1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Trình bày được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, tiến triển, biến chứng, cách phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp.  | C 1 |
| MT2 | Học cách nhận định tình trạng người có bệnh truyền nhiễm. Lập và thực hiện kế hoạch giáo dục sức khỏe cho người bệnh . | C1 |

1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học**  | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá thường xuyên | 0 |  | 30 % |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Bài Kiểm tra 2 | MT1, 2 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối kỳ | MT1, 2 | 70 % |

1. **Nội dung giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| 1.CSNB nhiễm khuẩn huyết | 1 | 2 | MT1,2 | A2, A3 |
| 2.CSNB nhiễm bệnh thương hàn, tả, bại liệt | 2 | 4 | MT1,2 | A2, A3 |
| 3.CSNB nhiễm bệnh bạch hầu , uốn ván , ho gà | 2 | 4 | MT1,2 | A2, A3 |
| 4.CSNB viêm màng não, dịch hạch, quai bị | 2 | 2 | MT1,2 | A2, A3 |
| 5.CSNB Sốt rét, Sốt xuất huyết | 2 | 4 | MT1,2 | A2, A3 |
| 6.CSNB nhiễm cúm, rubeola, sởi, thủy, đậu | 2 | 4 | MT1,2 | A2, A3 |
| 7.CSNB viêm gan do virus | 2 | 4 | MT1,2 | A2, A3 |
| 8.CSNB nhiễm HIV/AIDS | 1 | 2 | MT1,2 | A2, A3 |
| 9.CSNB nhiễm lao | 1 | **2** | MT1,2 | A2, A3 |
| **Tổng công** | **15** | **30** |  |  |

1. **Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ-ĐHYD, sinh viên phải:

* Phải có đủ các bài kiểm tra thường xuyên và bài thi phần lý thuyết.
* Bài thi phần lý thuyết nếu < 4 phải thi lại.
1. **Phụ trách môn học**
* Khoa/ Bộ môn: Điều dưỡng, Khoa Điều Dưỡng kỹ thuật y học.
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Q5
* Điện thoại liên hệ: 028 570760

**LỊCH GIẢNG**

**HỌC PHẦN: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

**LỚP: CNHS20 – HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022**

**Thời gian giảng dạy: Từ 20/12/2021 – 31/12/2021 sáng thứ 2 từ 7h30 và chiều thứ 3 từ 13h30 (4 buổi, 15 tiết)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÊN BÀI** | **THỜI GIAN** | **GIẢNG VIÊN** | **ĐIỆN THOẠI** | **GHI CHÚ** |
| 1.CSNB nhiễm khuẩn huyết |  |  |  |  |
| 2.CSNB nhiễm bệnh thương hàn, tả, bại liệt |  |  |  |  |
| 3.CSNB nhiễm bệnh bạch hầu , uốn ván , ho gà |  |  |  |  |
| 4.CSNB viêm màng não, dịch hạch, quai bị |  |  |  |  |
| 5.CSNB Sốt rét, Sốt xuất huyết |  |  |  |  |
| 6.CSNB nhiễm cúm, rubeola, sởi, thủy, đậu |  |  |  |  |
| 7.CSNB viêm gan do virus |  |  |  |  |
| 8.CSNB nhiễm HIV/AIDS |  |  |  |  |
| 9.CSNB nhiễm lao |  |  |  |  |
| **Lịch thi**  |  | **L1: 14/1/2022****L2:18/2/2022** |  |  |